

Số: **3309**/BNN-TCCB
V/v Báo cáo kết quả hoàn thiện
mô hình dạy nghề cho LĐNT theo
Quyết định số 1956/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày **16** tháng 9 năm 2013

Kính gửi: Bộ Lao động Thương binh - Xã hội

Trả lời công văn số 2982/LĐTBXH-TCDN ngày 12/8/2013 của quý Bộ về việc Báo cáo kết quả hoàn thiện mô hình dạy nghề cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời như sau:

I. KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO MÔ HÌNH DẠY NGHỀ NÔNG NGHIỆP CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN.

1. Kết quả thực hiện năm 2012

Năm 2012 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao kinh phí 10 (mười) tỷ đồng đào tạo mô hình dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn để làm việc cho các Doanh nghiệp, các Tổng công ty Chè, Cao su, Cà phê... Để thực hiện nhiệm vụ này Bộ đã giao cho Trung tâm Khuyến nông Quốc gia là đơn vị đầu mối phối hợp với Trung tâm Khuyến nông các tỉnh và các trường thuộc Bộ để thực hiện và triển khai 132 lớp đào tạo 10 nghề nông nghiệp cho 3.960 lao động nông thôn. Địa điểm triển khai tại các tỉnh: Yên Bái, Hà Giang, Hải Dương, Nam Định, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Nam, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Thừa thiên Huế, Đà Nẵng, Tiền Giang, Long An, An Giang, Bình Dương, Bình Phước. Với mục tiêu đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả của công tác đào tạo nghề, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông quốc gia triển khai các lớp đào tạo gắn với vùng chuyên canh và vùng nguyên liệu cho doanh nghiệp, phối hợp với các Công ty thành viên thuộc các Tổng công ty và các doanh nghiệp ổn định trên địa bàn và khuyến khích các doanh nghiệp có hợp đồng bao tiêu sản phẩm lâu dài cho nông dân sau đào tạo, ưu tiên đào tạo cho nông dân ở các xã xây dựng nông thôn mới, gắn đào tạo nghề với chương trình nông thôn mới hiện nay.

Kết quả (*phụ lục 1*) tổng số người tham gia học nghề là 3.337 người, chiếm 84,2% theo kế hoạch, trong đó số người học thực tế thuộc đối tượng 1 là 959 người, đối tượng 2: 30 người; đối tượng 3: 2348 người. 100% học viên sau đào tạo có thể tự tạo việc làm, có thể áp dụng kiến thức học được vào thực tế sản xuất của gia đình và đảm bảo tự bao tiêu sản phẩm; 100% số lao động sau khi học xong có thể áp dụng kiến thức học được áp dụng vào thực tế, đảm bảo chất lượng sản phẩm để bán cho các doanh nghiệp hoặc các thương lái ở chợ đầu

mới, có hợp đồng bao tiêu sản phẩm lâu dài với các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty, các doanh nghiệp trên địa bàn, các chợ đầu mối và các thương lái; 480 học viên sau đào tạo được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc (chiếm 14,38%).

Thực hiện nhiệm vụ trên, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với hệ thống Khuyến nông các tỉnh: Yên Bái, Khánh hòa, Hải dương, Bình phước, Tiền giang, Bắc giang, Quảng nam, Nghệ an, Thừa thiên huế, Ninh thuận và 06 trường thuộc Bộ: Trường Cao đẳng NN Nam Bộ, Trường Cao đẳng Thủy sản, Trường Cao đẳng CN và NL Đông Bắc, Trung tâm giống Thủy sản Long an, Trường trung học Thủy sản, Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su. Theo thống kê của các đơn vị (*Phụ lục 2*) tổng số có 239 số người tham gia dạy nghề cho LĐNT, trong đó có 221 giáo viên cơ hữu tham gia dạy 32 nghề. Kết quả cho thấy có 3337 lao động tham gia học nghề, trong đó có 959 lao động thuộc đối tượng 1; 30 lao động thuộc đối tượng 2, và 2348 lao động thuộc đối tượng 3; 100% số lao động sau khi học xong có thể tự sản xuất và có hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp, các thương lái, hoặc được tuyển dụng vào làm việc tại các doanh nghiệp, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế của địa phương, góp phần vào tiến trình xây dựng nông thôn mới.

2. Kết quả thực hiện năm 2013

Năm 2013 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục triển khai mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn để làm việc cho các doanh nghiệp, các tổng công ty Chè, Cao su, Cà phê...và xã xây dựng nông thôn mới với tổng kinh phí là 5 (năm) tỷ đồng. Bộ đã giao nhiệm vụ đào tạo này cho 07 đơn vị thuộc Bộ (Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Phú Thọ, Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông lâm Phú Thọ, Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Nông lâm Trung bộ, Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Nam Bộ, Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Đông bắc, Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc) để triển khai 63 lớp đào tạo cho 1950 lao động nông thôn học các nghề: trồng chè, trồng và chăm sóc thu hoạch Cà phê, trồng chăm sóc và cạo mù Cao su, Chế biến mù cao su, Chế biến chè xanh chè đen...

Đánh giá sơ bộ thực hiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT theo mô hình từ đầu năm 2013 cho đến nay các đơn vị đã tổ chức chiêu sinh được 1783 lao động nông thôn (*phụ lục 3*) trong đó có 1066 lao động nữ ; 1051 lao động thuộc đối tượng 1, 73 lao động thuộc đối tượng 2 và 659 lao động thuộc đối tượng 3. Hiện nay đã có 320 lao động nông thôn đã học xong, trong đó có 102 lao động sau khi học xong đã được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc như: Nhà máy chế biến chè xanh, chè đen Phú thọ 70 lao động, Nhà máy chế biến mù cao su Bình phước 32 lao động. Đặc biệt có 70 lao động được doanh nghiệp ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm chè.

Các nghề đào tạo cho LĐNT năm 2013 tập trung đào tạo cho 05 nghề trọng điểm, đó là nghề: Chế biến chè xanh chè đen, trồng chè, trồng chăm sóc và thu hoạch cà phê, trồng chăm sóc và khai thác mủ cao su và nghề chế biến mủ cao su. Theo báo cáo của 07 đơn vị cho thấy (*phụ lục 4*) có tổng số 375 giáo viên cơ hữu; 76 giáo viên thỉnh giảng và có 150 giáo viên tham gia dạy nghề cho LĐNT. Địa điểm triển khai tại các tỉnh: Phú thọ, Yên Bái, Thái nguyên, Đắk Lắk, Gia lai, Đắk nông, Kon tum, Bình dương, Bình Phước. Hiện nay các lớp đang tổ chức học, dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 12/2013.

II. CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Công tác dạy nghề tạo việc làm cho người lao động gắn với làng nghề và doanh nghiệp bước đầu đã đạt được những hiệu quả, người học nghề đã tiếp cận phổ cập được kiến thức mới về lĩnh vực mình được đào tạo, biết cách làm ăn, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tạo việc làm tại chỗ, có cơ hội được nhận vào làm việc tại các cơ sở sản xuất hoặc các doanh nghiệp tại địa phương, qua đó nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình, góp phần ổn định cuộc sống, góp phần tích cực trong việc thay đổi tư duy lao động sản xuất của người dân, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, dạy nghề gắn với giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững trong khu vực nông thôn.

Nhằm triển khai hiệu quả mô hình dạy nghề và giải quyết việc làm cho LĐNT trong những năm tiếp theo, Bộ Nông nghiệp và PTNT kiến nghị:

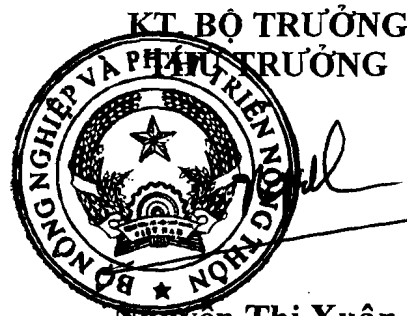
1. Bộ Lao động Thương binh Xã hội tiếp tục cho nhân rộng mô hình của một số nghề nông nghiệp trọng điểm nhằm thu hút lao động vào làm việc tại các doanh nghiệp, các tổng công ty hoặc sản xuất vùng nguyên liệu tập trung, cánh đồng mẫu lớn để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy nhằm tăng thu nhập cho người lao động, ổn định cuộc sống sau khi học nghề;

2. Ngân hàng chính sách cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp vay vốn với mức thuế ưu đãi nhằm thu hút các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm lâu dài cho người nông dân sau đào tạo.

Trên đây là báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Đề nghị Bộ Lao động Thương binh Xã hội tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (b/c);
- Lưu: VT, TCCB.

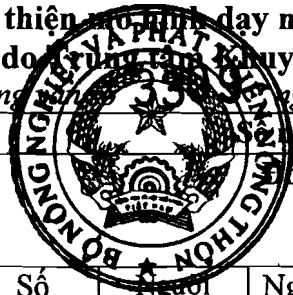


Phụ lục 1

Kết quả, hiệu quả hoàn thiện công nghệ dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg

do Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Khuyến nông Quốc gia thực hiện năm 2012

(Kèm theo công văn số 1638/BN-NT ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



Số TT	Tên nghề đào tạo cho lao động nông thôn	Tổng số	Số người được học nghề								Hiệu quả sau học nghề						
			Đối tượng 1								Đối tượng 2	Đối tượng 3	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp
			Số người thực tế thuộc đối tượng 1	Người được hưởng chính sách ưu đãi, người có công	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật	Người thuộc hộ cận nghèo	LĐNT khác							
1	Trồng chè	313	191	1	178	12	0	0	0	122	313	313	0	313	0		
2	Trồng lúa năng suất cao	601	68	22	0	18	25	3	0	533	601	601	0	601	0		
3	Kỹ thuật phòng và trị bệnh cho lợn	289	118	15	53	42	8	0	0	171	289	289	0	289	0		
4	Nuôi và phòng trị bệnh cho gà	362	136	34	66	34	2	0	0	226	362	362	0	362	0		
5	Trồng Rau an toàn	523	117	26	25	43	23	0	0	406	523	523	0	523	0		
6	Nuôi tôm sú	180	34	16	0	18	0	0	0	146	180	180	0	180	0		
7	Nhân giống cây ăn quả	180	84	6	0	78	0	0	0	96	180	180	0	180	0		
8	Trồng chăm sóc, khai thác mù cáo su	319	134	12	77	16	29	0	30	155	319	319	240	319	0		
9	Nuôi Tôm thẻ chân trắng	270	22	3	0	9	10	0	0	248	270	270	120	270	0		
10	Nuôi cá tra, cá ba sa	300	55	4	0	41	10	0	0	245	300	300	120	300	0		
	Tổng	3337	959	139	399	311	107	3	30	2348	3337	3337	480	3337	0		

Nb

tb

Phụ lục 2
Danh sách cơ sở tham gia hoàn thiện mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 156
do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia thực hiện năm 2012

(Kèm theo công văn số 3306/TW ngày 16 tháng 9 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Số	Tên cơ sở tham gia hoàn thiện mô hình dạy nghề cho LĐNT	Số giáo viên dạy nghề cho LĐNT (người)		Quy mô đào tạo của các nghề nêu tại cột (6) ghi trong GCN đăng ký hoạt động dạy nghề	Kết quả dạy nghề cho lao động nông thôn (người)					Địa bàn thực hiện (tỉnh/TP)	
		Giáo viên cơ hữu	Giáo viên dạy nghề cho LĐNT (người)		Tổng số	ĐT 1	ĐT 2	ĐT 3	Số LĐNT học xong đã có việc làm		
-1	-2	-3	-5	-6	-7	-9	-10	-11	-12	-13	
1	TTKN Yên Bái	14	14	2	70	210	70	140	210		
2	TTKN Khánh Hòa	17	17	2	70	270	10	260	270	Khánh Hòa	
3	TTKN Hải Dương	16	16	2	70	240	0	0	240	Hải dương	
4	TTKN Bình Phước	12	12	2	70	152	70	0	82	152	Bình Phước
5	TTIKN Tiền Giang	26	26	3	90	390	135	0	255	390	Tiền Giang
6	TTKN Bắc Giang	6	18	1	35	180	57	0	123	180	Bắc Giang
7	TTKN Quảng Nam	18	24	3	90	270	78	0	192	270	Quảng Nam
8	TTKN Nghệ An	22	22	3	105	334	213		121	334	Nghệ An
9	TTKN Thừa Thiên Huế	10	10	2	102	124	40		84	124	TTHuế
10	TTKN Ninh Thuận	14	14	2	70	150	30		120	150	Ninh Thuận
11	Trường CĐ NN Nam Bộ	6	6	2	70	90	7		83	90	Tiền Giang
12	Trường Cao đẳng Thủy sản	2	2	1	30	30	0		30	30	Đà Nẵng
13	Trường Cao đẳng Công nghệ và NL Đông Bắc	18	18	3	100	271	70		201	271	Yên Bái, Thái Nguyên, Hải Dương
14	Trung tâm Thủy sản Long An	16	16	2	70	240	21		219	240	Long An
15	Trường Trung học Thủy sản	8	8	1	30	120	36		84	120	An Giang
16	Trường cao đẳng công nghiệp cao su	16	16	1	30	266	122	30	114	266	Bình phước, Bình Dương
	Tổng	221	239	32	1095	3337	959	30	2348	3337	

Phụ lục 3

Kết quả, hiệu quả hoàn thiện mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg

do 07/2013/QĐ-BNN và PTNT thực hiện năm 2013

(Kèm theo công văn số 16 tháng 9 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Số TT	Tên nghề đào tạo cho lao động nông thôn	Người được học nghề										Hiệu quả sau học nghề					
		Tổng số	Nữ	Số người thực tế thuộc đối tượng 1	Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật	Người thuộc hộ cận nghèo	LDNT khác	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp
(1)	(2)	(3)=(5)+(11)+(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)=(15)+(16)+(17)+(18)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Nghề Chế biến chè xanh, chè đen	70	42	38	3	27	8	0	0	0	32			70			
2	Nghề trồng chè	655	496	316	1	260	124	2		15	314			70			
3	Nghề Trồng - chăm sóc - thu hoạch Cà phê	290	140	206	6	165	3	35	0	2	82	140	0	0	0	0	0
4	Nghề Trồng, chăm sóc và khai thác mù cao su	733	383	487	20	399	67	63	2	56	203	180				150	
5	Chế biến mù cao su	32	05	04		03	01	01			28			32			
	Tổng cộng	1783	1066	1051	30	854	203	101	2	73	659	320		102	70	150	

Alk

6

Phụ lục 4

Danh sách cơ sở tham gia hoàn thiện mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg thuộc Bộ thực hiện năm 2013

(Kèm theo công văn số 16 tháng 9 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Số TT	Tên cơ sở tham gia hoàn thiện mô hình dạy nghề cho LĐNT	Số giáo viên tham gia dạy nghề cho LĐNT (người)			Số nghề dạy cho LĐNT (nghề)	Quy mô đào tạo của các nghề nêu tại cột (6) ghi trong GCN đăng ký hoạt động dạy nghề	Kết quả dạy nghề cho lao động nông thôn (người)					Địa bàn thực hiện (tỉnh/TP)
		Giáo viên cơ hữu	Giáo viên thỉnh giảng	Giáo viên dạy nghề cho LĐNT (người)			Tổng số	ĐT 1	ĐT 2	ĐT 3	Số LĐNT học xong đã có việc làm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (9) + (10) + (11)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Phú Thọ	5	3	8	2	175	140	95	2	43		Phú Thọ, Yên Bái
2	Trường CĐ nghề Công nghệ và Nông lâm Phú Thọ	17	7	24	1	180	195	104	0	81		Phú Thọ
3	Trường CĐN Cơ điện XD và NL Trung Bộ	151	0	22	2	330	302	193	0	109		Đắc Lắc, Gia lai
4	Trường Cao đẳng nghề CN và NL Đông Bắc	70	0	22	11	330	330	136	12	182	0	Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái
5	Trường Cao đẳng nghề CN và NL Nam Bộ	80	25	25	2	245	210	133	3	74	0	Đăk Nông, Đăk Lăk Kon Tum
6	Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc	16	9	29	2	330	336	269	16	61	16	Bình Dương, Bình Phước
7	Trung tâm KN tỉnh Yên Bái	14	14	2	1	60	60	19	01	40		Yên Bái
8	Trường Cao đẳng công nghiệp Cao su	10	6	16	1	150	60	28	12	20		Bình Phước
9	Trung tâm khuyến nông Bình Phước	12	12	2	1	180	150	74	27	49		Bình Phước
	Tổng cộng	375	76	150	23	1980	1783	1051	73	659	16	

NA

12